

DANH TỪ ĐẾM ĐƯỢC & KHÔNG ĐẾM ĐƯỢC

COUNTABLE & UNCOUNTABLE NOUNS (Khảo tư bỏ en Ấn khảo tư bỏ nao x)

Điểm giống nhau:

1. Dùng được với some (xăm – một ít, một vài) chỉ số nhiều trong câu khẳng định

VD: ✓ There are some eggs (Có một vài quả trứng)

✓ There is some milk (Có một ít sữa)

2. Dùng được với any (ê ny – bất cứ) trong câu hỏi và phủ định

VD:

❶ ✓ There aren't any eggs (Không có bất cứ quả trứng nào)

✓ Are there any eggs? (Có bất cứ quả trứng nào không?)

→ Yes, there are / No, there aren't

❷ ✓ There isn't any milk (Không còn bất kỳ miếng sữa nào)

✓ Is there any milk? (Có bất kỳ miếng sữa nào không?)

→ Yes, there is / No, there isn't

Điểm khác nhau:

DT đếm được	DT không đếm được
1. Đi chung với từ chỉ số lượng: one, two, three... VD: one apple (1 trái táo), two books (2 cuốn sách)	2. Không đi chung với từ chỉ số lượng: one, two, three... VD: water (nước), tea (trà), milk (sữa)
2. Dùng How many (hao mé ni) để hỏi Có bao nhiêu VD: How many eggs are there? (Có bao nhiêu quả trứng?) → There are 10 eggs (Có 10 quả trứng)	2. Dùng How much (hao mất ch) để hỏi Có bao nhiêu VD: How much milk do you need? (Bạn cần bao nhiêu sữa?) → I need a bottle of milk (Tôi cần 1 chai sữa)

Các em bấm vào hình quyển sách để làm bài tập:

1/ Countable and uncountable nouns in English – Exercise 1 

2/ Countable and uncountable nouns in English – Exercise 2 

3/ Countable and uncountable nouns in English – Exercise 3 

4/ Countable and uncountable nouns in English – Exercise 4 

5/ Uncountable nouns in English – Exercise (lượng từ + danh từ) 